TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Trương Công Dịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trúc L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp LHT, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp LG, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, biên bản hòa giải ngày 23/01/2019 chị Nguyễn Trúc L trình bày:*

Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn; gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả nên anh chị không còn chung sống với nhau từ ngày 12/10/2018 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống nữa nên chị L yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh Đ.

Con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị L và anh Đ tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 23/01/2019, biên bản hòa giải ngày 23/01/2019 cũng như tại phiên tòa, anh Trần Văn Đ trình bày:*

Anh Đ thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của chị Nguyễn Trúc L về các mối quan hệ như: về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh Đ thống nhất chấm dứt mối quan hệ với chị L; con chung và nợ chung không có; tài sản chung anh Đ và chị L tự thỏa thuận nên anh Đ không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Trúc L khởi kiện yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với bị đơn là anh Trần Văn Đ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Anh Đ có nơi cư trú tại ấp LG, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Trúc L và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét

thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Trúc L và anh Trần Văn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung, nợ chung: Không có nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận xong và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Trúc L phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 59 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Trúc L và anh Trần Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung, nợ chung: Không có

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trúc L và anh Trần Văn Đ tự thỏa thuận và không có yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Trúc L phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 15 tháng 01 năm 2019 chị L có dự nộp 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005897 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa